

Số: 13/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố L, ngày 29 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: chị Bùi Thị L1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 04, phường Đoàn K, thành phố L, tỉnh L

Bị đơn: anh Trịnh Xuân L2, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 04, phường Đoàn K, thành phố L, tỉnh L

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị L1 và anh Trịnh Xuân L2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị L1 và anh Trịnh Xuân L2 đều thuận tình ly hôn.

- Việc nuôi con: chị Bùi Thị L1 và anh Trịnh Xuân L2 có 04 con chung, cháu Trịnh Kiều A, sinh ngày 30/03/2009, cháu Trịnh Kiều T, sinh ngày 30/03/2009, cháu Trịnh Tuệ M, sinh ngày 24/8/2017 và cháu Trịnh Như B, sinh ngày 06/12/2020. Chị L1 và anh L2 thoả thuận như sau:

Anh Trịnh Xuân L2 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là cháu Trịnh Kiều A, sinh ngày 30/03/2009, cháu Trịnh Kiều T, sinh ngày 30/03/2009, cháu Trịnh Tuệ M, sinh ngày 24/8/2017 và cháu Trịnh Như B, sinh ngày 06/12/2020 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Bùi Thị L1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở chị L1 thực hiện quyền này.

- **Về chia tài sản:** chị Bùi Thị L1 và anh Trịnh Xuân L2 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** chị Bùi Thị L1 và anh Trịnh Xuân L2 mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chị L1 tự nguyện nộp thay anh L2 số tiền án phí mà anh L2 phải nộp, anh L2 nhất trí. Tổng cộng chị Bùi Thị L1 phải nộp là 150.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng. Xác nhận chị L1 đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Bùi Thị L1 số tiền 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001353 ngày 18/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND phường Đoàn K, TP L, tỉnh L;
- TAND tỉnh L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THADS TP L;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tòng Thị Tuyết